**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY.**

**Ths Nguyễn Thị Quỳnh Giao – Đại học Duy Tân**

**Đặt vấn đề**

Trong xu thế tăng cường phát triển kinh tế và hội nhập như hiện nay thì hầu hết các doanh nghiệp đều đẩy mạnh công tác công nghiệp hoá trong sản xuất, gây gia tăng phát thải các chất ô nhiễm môi trường. Do đó việc hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường là vấn đề đặc ra trong tiến trình phát triển ổn định và bềnh vững của Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề phức tạp cần được triển khai thông qua nhiều biện pháp khác nhau. Trong đó quản lý môi trường thông qua việc đánh thuế là một công cụ hữu ích của nước ta cũng như các quốc gia trên thế giới. Bài biết làm rõ một số vấn đề liên quan đến quản lý thuế môi trường ở nước ta hiện nay.

**Thuế môi trường**

Theo Khoản 1 Điều 2 Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010:

“Điều 2 1. Thuế bảo vệ môi trường là loại thuế gián thu, thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sử dụng gây tác động xấu đến môi trường.”

Như vậy, nhà nước đánh thuế môi trường vào các sản phẩm, hàng hoá gây hại cho môi trường nhằm điều tiết các hoạt động có ảnh hưởng tới môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường. Thuế bảo vệ môi trường là một loại thuế gián thu, thu thông qua giá cả hàng hoá dịch vụ và người tiêu dùng cuối cùng phải gánh chịu khoản thuế này. Đánh thuế môi trường là hình thức hạn chế một sản phẩm hay hoạt động không có lợi cho môi trường.

 Luật thuế bảo vệ môi trường 57**/**2010/QH12 quy định rõ nhóm các mặt hàng chịu thuế bảo vệ môi trường như xăng dầu, than đá, dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (dung dịch HCFC), túi ni lông, thuốc trừ cỏ, thuốc bảo quản lâm sản… Đây là những mặt hàng khi sử dụng sẽ có tác động xấu đến môi trường sinh thái.

**Vai trò của thuế môi trường**

Chính sách thuế bảo vệ môi trường thể hiện được vai trò:

- Thuế BVMT góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho các hoạt động, trong đó có hoạt động quản lý, cải thiện và bảo vệ môi trường.

- Thuế BVMT góp phần thay đổi hành vi, điều tiết tiêu dùng, định hướng cho người tiêu dụng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm thiểu nguy cơ gây hại môi trường.

- Đây là công cụ quản lý, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp, định hướng phát triển an toàn, thân thiện với môi trường, tái tạo môi trường sinh thái

- Thuế BVMT khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới công nghệ theo hướng đảm bảo an toàn, thân thiện với môi trường.

*-* Thuế BVMT có vai trò trong việc có thể làm giảm bớt gánh nặng quản lý cho hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

**Nguồn thu ngân sách từ thuế BVMT trong những năm vừa qua**

Thuế BVMT là một trong sắc thuế góp phần động viên sự đóng góp hợp lý của xã hội vào NSNN để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có chi giải quyết các vấn đề môi trường, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho Nhà nước trong việc quản lý và BVMT. Số thu từ thuế BVMT tăng liên tục qua các năm: tỷ trọng thu từ thuế BVMT tăng dần trong tổng thu NSNN, từ 1,7% năm 2012 lên 2,7% năm 2015 và chiếm 4% vào năm 2020 (bình quân giai đoạn 2016 - 2020 chiếm 3,7% tổng thu NSNN) và chiếm tỷ trọng khoảng 0,34%- 0,98% trên GDP hàng năm. Hiện nay, ba sắc thuế gián thu quan trọng là thuế GTGT, thuế TTĐB và thuế BVMT chiếm trên 35% tổng thu NSNN của Việt Nam. Điều này đã góp phần ổn định nguồn thu thuế nội địa trong giai đoạn thu ngân sách gặp nhiều khó khăn do phải cắt giảm mức thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế.

*Nguồn: Bộ tài chính*

**Chính sách thuế môi trường tại nước ta hiện nay**

Trước năm 2010, nhà nước ta chưa có một sắc thuế riêng nào về bảo vệ môi trường để thu vào hàng hoá khi sử dụng gây ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế sản xuất và tiêu dùng hàng hóa loại này. Liên quan đến môi trường, nhà nước ban hành các quy định về Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn. Tuy nhiên nguồn thu từ các khoản phí này ở mức thấp, hiệu quả thu phí thấp và tính pháp lý không cao. Ngày 15/11/2010, Quốc đã thông qua Luật thuế bảo vệ môi trường và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012. Luật quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường. Luật được ban hành có vai trò quan trọng trong việc tạo khuôn khổ pháp lí đồng bộ, ổn định điều chỉnh toàn diện các hành vi tác động tiêu cực đến môi trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội, từ đó góp phần làm thay đổi hành vi của tổ chức, cá nhân, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Bảo vệ môi trường, Bộ tài chính ban hành thông tư số 152/2011/TT-BTC Hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011, thông tư 106/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 Thông tư 152/2011/TT-BTC và Văn bản hợp nhất 32/VBHN-BTC thi hành nghị định số số 67/2011/NĐ-CP và mới nhất là Nghị quyết số 31/NQ-CP thông qua dự án Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đến hết ngày 31/12/2022. Như vậy, nhà nước luôn củng cố và hoàn chỉnh hệ thống pháp lý qua các năm nhằm tạo một hệ thống văn bản pháp quy hoàn chỉnh để điều chỉnh hoàn động thu thuế môi trường một cách khoa học và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội thực tế ở nước ta. Tuy nhiên, so với một số quốc gia trên thế giới thì ở Việt Nam, thuế môi trường là công cụ kinh tế còn khá mới mẻ, do đó, chính sách thuế BVMT ở nước ta hiện nay vẫn bộc lộ một số vấn đề như sau:

*Thứ nhất*, về đối tượng chịu thuế BVMT: Theo Luật thuế bảo vệ môi trường 57/2010/QH12 có tám nhóm đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường, các đối tượng trực tiếp và khá rõ ràng với môi trường như xăng dầu, nilon, than đá... Tuy nhiên trên thực tế, có nhiều hàng hóa, sản phẩm mà việc sử dụng có khả năng gây ô nhiễm môi trường nhưng lại chưa được đưa vào đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường như phân bón, thuốc tăng trưởng cho động thực vật, các chất tẩy rửa, các chất xả thải ra môi trường bằng nước thải hay chất thải (rắn, lỏng), sản phẩm từ nhựa sử dụng một lần… hiện nay chính sách thuế BVMT chưa đề cập đến các sản phẩm này.

*Thứ hai,* về Biểu khung thuế Bảo vệ môi trường: Theo Luật thuế bảo vệ môi trường năm 2010 đã qui định Biểu khung thuế với mức thuế tuyệt đối tối thiểu và mức thuế tuyệt đối tối đa. Tuy nhiên, nhìn vào Biểu khung thuế quy định tại Điều 8 Luật thuế bảo vệ môi trường và các nghị quyết ban hành qua các thời kỳ thì thấy rằng, mức thuế áp dụng cho có sản phẩm chịu thuế chưa thực sự phù hợp với nguyên tắc đánh thuế quy định tại khoản 2 điều 8 của Luật thuế BVMT đó là:“Mức thuế đối với hàng hóa chịu thuế được xác định theo mức độ gây tác động xấu đến môi trường của hàng hóa” . Chẳng hạn, dầu nhờn diesel có mức độ gây hại môi trường cao nhưng mức thuế phải nộp thì ít hơn xăng. Mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 1/4/2022 đến hết ngày 31/12/2022 được quy định cụ thể như sau:Xăng, trừ etanol 2.000 đồng/lít; dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn 1.000 đồng/lít; dầu hỏa 300 đồng/lít; mỡ nhờn 1.000 đồng/kg. Hay so sánh giữa xăng dầu và than đá thì xăng dầu cao hơn rất nhiều lần trong khi mức độ gây hại cho môi trường của than đá là rất cao.

*Thứ ba*, về mức thuế bảo vệ môi trường: Về mức thuế BVMT hiện tại nước ta đang áp dụng khá thấp so với các nước trên thế giới, dẫn đến việc sử dụng các sản phẩm gây hại cho môi trường ở Việt Nam vẫn còn phổ biến, chưa thực hiện được vai trò hạn chế sử dụng trong ở người dân cũng như doanh nghiệp. Chẳng hạn như túi Nilong, hiện tại người dân chúng ta đang sử dụng phổ biến loại sản phẩm thực sự gây hại cho môi trường này. Tuy nhiên mức thuế BVMT đối với túi Nilong thuộc diện chịu thuế là 30.000 – 50.000/ 1kg, thấp hơn rất nhiều so với các nước như ở Anh đánh thuế: 15cent/túi (tương đương 4.500đ/túi), Ailen đánh thuế 15cent/túi (tương đương 4.500đ/túi), ở Hồng Kông đánh thuế 0,05USD/túi (tương đương 1.050đ/túi). Một số nước khác còn cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông mỏng, ví dụ như Trung Quốc cấm sản xuất, bán, sử dụng túi ni lông có độ dày nhỏ hơn 0,025mm. Như vậy việc đánh thuế trên một đơn vị kg với mức vài chục nghìn đồng không làm thay đổi được thói quen tiêu dùng của người dân. Hơn nữa về công tác thu thuế BVMT của nhà nước về sản phẩm này vẫn còn chưa triệt để dẫn đến giá thành sản phẩm này khi đến tay người tiêu dùng rất thấp, không hạn chế được nhu cầu tiêu dùng của người dân, gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống trong hiện tại và tương lai.

Thứ tư, quy định về thời điểm tính thuế BVMT: Theo điều 9 luật thuế BVMT năm 2020: Thời điểm tính thuế đối với xăng dầu nhập khẩu để bán là **thời điểm đầu mối kinh** doanh xăng dầu bán ra, dẫn đến khó khăn trong việc quản lý cũng như trong việc kê khai, nộp thuế. Không nhất quán với khoản 3 của điều này về thời điểm nộp thuế đối với hàng hoá nhập khẩu “Đối với hàng hóa nhập khẩu, thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan”

*Thứ năm*, Quy định về đối tượng không chịu thuế trong luật BVMT: Hàng hóa do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu là đối tượng không chịu thuế. Điều này không thực sự phù hợp vì thực tế trong giai đoạn sản xuất sản phẩm, các doanh nghiệp cũng tăng phát thải gây ô nhiễm môi trường.

*Thứ sáu* , về chính sách ưu đãi và miễn giảm thuế: Như quy định tại các luật thuế khác thì nhà nước luôn có chính sách miễn giảm thuế cụ thể. Tuy nhiên, Luật thuế BVMT chưa có quy định về vấn đề ưu đãi thuế này. Việc ưu đãi thuế cũng một mặt làm tăng cường ý thức bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp sẽ nỗ lực hơn trong việc thay đổi công nghệ sản xuất, tìm kiếm các biện pháp để giảm thiểu khả năng gây hại cho môi trường để được hưởng các chính sách ưu đãi của nhà nước.

**Một số ý kiến đóng góp về chính sách thuế môi trường ở nước ta hiện nay.**

 Qua thời gian dài triển khai vận dụng các chính sách về thuế BVMT, công cụ này mang lại hiệu quả tích cực như góp phần tăng thu ngân sách nhà nước để bù đắp cho các khoản chi cải thiện môi trường quốc gia, điều chỉnh được cơ bản hành vi của người tiêu dùng thông qua giá cả hàng hoá, khuyến khích doanh nghiệp hướng đến mục tiêu sản xuất sạch. Tuy nhiên thực tế vẫn còn một số vấn đề tồn tại như đã nêu trên, do đó tác giả đưa ra một số ý kiến đóng góp về chính sách thuế môi trường như sau:

**-** Nhà nước cần xem xét, bổ sung danh mục các hàng hoá, sản phẩm chịu thuế môi trường để phù hợp hơn với tình hình phát thải gây hại môi trường hiện nay.

- Quy định về khung và mức thuế BVMT đối với các hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế chưa đảm bảo phù hợp với mức độ gây ô nhiễm môi trường của các hàng hóa nên cần thiết phải xem xét, đánh giá mức độ gây hại của các sản phẩm hàng hoá và đưa ra mức thuế phù hợp nhằm điều tiết mạnh hơn thói quen tiêu dùng của người dân.

- Nhà nước thống nhất trong quy định về thời gian tính thuế của các sản phẩm nhập khẩu, đặc biệt là sản phẩm xăng dầu để thuận lợi hơn trong công tác quản lý thuế, tránh thất thu nguồn ngân sách nhà nước.

- Cần điều chỉnh lại đối tượng không chịu thuế của trường hợp sản xuất sản phẩm để xuất khẩu. Khác với thuế GTGT hay thuế TTĐB, thuế BVMT đánh vào các hoạt động có nguy cơ gây hại môi trường nên cả trong quá trình sản xuất, nhà nước cũng cần xem xét áp dụng loại thuế này.

- Nhà nước cũng nên bổ sung trường hợp được miễn giảm, ưu đãi thuế BVMT nhằm khuyến khích doanh nghiệp cải tiến kỹ thuật, hạn chế xả thải gây hại môi trường.

- Cơ quan chức năng tăng cường giám sát, quản lý góp phần tăng thu ngân sách cho nhà nước để có nguồn kinh phí cải thiện môi trường. Bênh cạnh đó nâng cao được ý thức xả thải, ý thức bảo vệ môi trường của người dân và doanh nghiệp. Góp phần lành mạnh hơn môi trường sống theo đúng mục tiêu của Đảng và nhà nước đề ra.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật thuế bảo vệ môi trường 57**/**2010/QH12
2. Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Bảo vệ môi trường
3. Văn bản hợp nhất 32/VBHN-BTC thi hành nghị định số số 67/2011/NĐ-CP
4. Thông tư 106/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 Thông tư 152/2011/TT-BTC
5. Nghị quyết số 31/NQ-CP thông qua dự án Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đến hết ngày 31/12/2022